

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 226/2020/HSST

Ngày: 23-7-2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên.

Ông Nguyễn Văn Quỳ.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 217/2020/TLST-HS ngày 03-7-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2020/QĐ-HSST ngày 08-7-2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn L, sinh năm 1979 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 195 MK, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ngõ 193 MK, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà N; có vợ Trần Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30 tháng 4 năm 2020, sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Ông Trịnh Đức D - Chủ cơ sở kinh doanh “Nhâm D”; địa chỉ: Số 238 đường DB, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Từ tháng 6 năm 2019, Trần Văn L là nhân viên làm thuê cho cơ sở kinh doanh “Nhâm D”; địa chỉ 238 ĐB, thành phố N do ông Trịnh Đức D, sinh năm 1957; trú tại 238 đường ĐB, phường C, thành phố N làm chủ, đến tháng 8 năm 2019 thì L nghỉ việc, từ đó đến nay gia đình ông D không quan hệ, không giao dịch mua bán hàng hóa với L. Quá trình làm cho ông D, L biết ông D hay để các bồn nước INOX tại trước cửa kho hàng số 13 kho bãi Quỳnh Giao - phường L, thành phố N và trước cửa nhà ông D tại lô 48 thửa 16 đường Đ, khu BV, phường M, thành phố N nên L nảy sinh ý định trộm cắp các bồn nước INOX trên để lấy tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân. Trong ngày 20 tháng 01 năm 2020 và ngày 29 tháng 4 năm 2020 L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của ông D như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 20 tháng 01 năm 2020, L gọi điện cho lái xe tải chở hàng thuê là Đặng Quốc H, sinh năm 1980; trú tại 17 chùa C, phường V, thành phố N thuê Hưng chở 01 bồn nước xuống huyện N để giao cho khách. H đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày H lái xe ô tô biển kiểm soát 18C-09228 chở L đến kho hàng số 13 kho bãi Q, phường L, thành phố N. Lúc này ông D không có ở kho hàng nên L bảo H xuống mở thùng xe và cùng L khiêng 01 bồn nước INOX nhãn hiệu “Tân Mỹ” loại bồn ngang 2000L (F136) đang để trước cửa kho lên xe. Sau đó H chở L đến cửa hàng bán thiết bị vệ sinh “Hưng T” tại địa chỉ: Đội 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định bán cho chị Hoàng Thị T, sinh năm 1975; trú tại: Đội 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là chủ cửa hàng bồn nước trên với giá 3.500.000 đồng. Trên đường quay trở về thành phố N L đã trả cho H 450.000 đồng tiền công chở hàng.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 29-4-2020, L nhắn tin qua zalo cho Đặng Quốc H thuê Hưng chở 02 bồn nước xuống huyện N nhưng H bận không chở được nên H gọi điện cho Đặng Văn H, sinh năm: 1976; trú tại: 5/334 ĐB, phường C, thành phố N để chở hàng cho L. H đồng ý. Khoảng 12 giờ 30 phút H đi xe ô tô biển kiểm soát 17C-05941 đến đón L tại địa chỉ 195 MK, phường V, thành phố N chở L đến địa chỉ Lô số 48 thửa 16 đường Đ, khu BV, phường M, thành phố N. Tại đây quan sát thấy nhà ông D đóng cửa không có người trông coi nên L bảo H xuống mở thùng xe ô tô tải và cùng L khiêng 02 bồn nước INOX nhãn hiệu “Toàn Mỹ”, loại bồn ngang TM 1500 (F1150) ông D để trước cửa nhà lô số 48 thửa 16 đường Đ lên xe. Sau đó H chở L đến cửa hàng “Hưng T” bán cho chị T 02 bồn

nước trên với giá 6.500.000 đồng. Trên đường quay trở về thành phố N L đã trả cho H 500.000 đồng tiền công chở hàng.

Sau khi phát hiện mất tài sản ông Trịnh Đức D đã đến trình báo tại Công an phường M, thành phố N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N. Ngày 30 tháng 4 năm 2020 L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đầu thú. Tại Cơ quan điều tra L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên và khai nhận toàn bộ số tiền bán 03 bồn nước trên L đã tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra: Cơ quan điều tra đã triệu tập đối với Đặng Quốc H, Đặng Văn H và Hoàng Thị T. Tại Cơ quan điều tra H và H đều khai nhận khi thuê chở hàng L chỉ nói chở hàng giao cho khách vì vậy H và H đều không biết 03 chiếc bồn nước trên là do L trộm cắp được mà có. Hoàng Thị T khai do trước đây đã nhiều lần mua hàng của ông D và do L đi giao hàng nên chị T không biết đây là tài sản do L trộm cắp được mà có và đã tự nguyện giao nộp 02 bồn nước INOX nhãn hiệu “Toàn Mỹ”, loại bồn ngang TM 1500 (F1150) phục vụ quá trình điều tra. Đối với 01 bồn nước INOX nhãn hiệu “Tân Mỹ” loại bồn ngang 2000L (F136) chị T đã bán lại cho khách qua đường, không quen biết, không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận các vật chứng trong vụ án có trị giá như sau:

- 02 bồn nước INOX nhãn hiệu “Toàn Mỹ”, loại bồn ngang TM 1500 (F1150) có tổng trị giá: 10.466.000 đồng;

- 01 bồn nước INOX nhãn hiệu “Tân Mỹ” loại bồn ngang 2000L (F136) định giá qua hồ sơ có trị giá 5.620.000 đồng.

Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả cho ông Trịnh Đức D 02 bồn nước INOX nhãn hiệu “Toàn Mỹ”, loại bồn ngang TM 1500 (F1150). Đối với chiếc bồn nước INOX nhãn hiệu “Tân Mỹ” loại bồn ngang 2000L (F136), ngày 25 tháng 5 năm 2020 chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1972; trú tại: 39/491 đường GP, phường T, thành phố N là chị gái của L đã bồi thường cho ông D số tiền 5.620.000 đồng. Ông D đã nhận lại toàn bộ tài sản, tiền bồi thường và không có đề nghị gì khác. Ngày 11 tháng 5 năm 2020 chị Trần Thị Thanh H đã hoàn trả số tiền 6.500.000 đồng cho chị Hoàng Thị T là tiền chị T đã bỏ ra để mua 02 bồn nước ngày 29 tháng 4 năm 2020, chị T nhận tiền và không có đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 217/CT-VKSTPNĐ ngày 03-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn L xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn L theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Văn L từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn L có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo và lời khai của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của ông Trịnh Đức D trên địa bàn thành phố N như sau: Ngày 20 tháng 01 năm 2020 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 bồn nước INOX nhãn hiệu “Tân Mỹ” loại bồn ngang 2000L (F136) có trị giá: 5.620.000 đồng; ngày 29 tháng 4 năm 2020 bị cáo

đã lén lút chiếm đoạt 02 bồn nước INOX nhãn hiệu “Toàn Mỹ” loại bồn ngang TM 1500 (F1150) có tổng trị giá: 10.466.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của ông D là 16.086.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có tổng trị giá: 16.086.000 đồng. Như vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn L bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Đức D và chị Hoàng Thị T đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo Trần Văn L bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là ông Trịnh Đức D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Toà án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên